

Số: /BC-SCT

Quảng Trị, ngày tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình phát triển công nghiệp, thương mại tháng 7 năm 2023

I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại

1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp

1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp:

Tháng 7/2023, hoạt động sản xuất công nghiệp duy trì mức tăng ổn định. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 3,12% so với tháng trước và tăng 10,1% so với tháng cùng kỳ năm trước, động lực tăng trưởng chủ yếu vẫn là ngành sản xuất và phân phối điện (+19,09%). Trong đó: ngành công nghiệp khai khoáng tăng 9,02%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,06%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí tăng 19,09%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,8% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2023, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 9,97% so với cùng kỳ năm trước, tương đương mức tăng cùng kỳ năm 2022. Trong đó: Ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 23,82%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,36%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,88%; ngành công nghiệp khai khoáng tăng 0,57% so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu trong tháng 7 năm 2023 tăng khá so với tháng cùng kỳ năm trước như: Bia lon tăng 152,16%; tấm lợp pro xi măng tăng 100%; gạch xây tăng 118,65%; quặng inmenit tăng 36,96%; điện sản xuất tăng 23,37%. Một số sản phẩm công nghiệp giảm như: Gỗ cưa hoặc xẻ giảm 34,6%; ván ép giảm 30,31%; dăm gỗ giảm 12,34%; phân hóa học giảm 26,99%; xi măng giảm 21,76%; sấm xe các loại giảm 6,55%; gạch xây giảm 2,79%; tinh bột sắn giảm 0,79% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Trong 7 tháng năm 2023, các doanh nghiệp có nguồn nguyên liệu, thị trường tiêu thụ ổn định phát, các sản phẩm duy trì được mức tăng trưởng khá so với cùng kỳ năm trước như: Bia lon tăng 147,67%; thủy hải sản chế biến tăng 36,27%; gạch nung tăng 98,19%; điện sản xuất tăng 28,04%... Một số sản phẩm duy trì mức tăng ổn định như: Nước máy tăng 7,59%; điện thương phẩm tăng 9,32%; quần áo tăng 7,68%; quặng inmenit tăng 6,62%; đá xây dựng tăng 5%; tinh bột sắn tăng 6,17%. Một số sản phẩm giảm như: Ván ép giảm 30,96%; gỗ cưa giảm 26,67%; xi măng giảm 15,15% so với cùng kỳ năm trước.

2. Lĩnh vực thương mại, dịch vụ và giá cả tiêu dùng

Trong tháng 7/2023, hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển ổn định. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 2.631,6 tỷ đồng, tăng 12,37% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 2.067,3 tỷ đồng, tăng 11,8%; doanh thu lưu trú và ăn uống ước đạt 433,7 tỷ đồng, tăng 21,31%; doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 0,6 tỷ đồng; doanh thu dịch vụ đạt 129,9 tỷ đồng, giảm 3,72% so với cùng kỳ năm trước.

Hoạt động thương mại, dịch vụ trong 7 tháng đầu năm tăng trưởng khá; Hàng hoá trên thị trường dồi dào, phong phú và đa dạng. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 18.031 tỷ đồng, tăng 16,45% so với cùng kỳ năm trước và đạt 56,34% so với kế hoạch năm 2023 (là 32.000 tỷ đồng). Trong đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 14.406,9 tỷ đồng, chiếm 79,9% tổng mức và tăng 15,16%; doanh thu lưu trú và ăn uống ước đạt 2.705,6 tỷ đồng, chiếm 15,0% tổng mức và tăng 15,13%; doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 2,9 tỷ đồng, chiếm 0,017% tổng mức, tăng 41,93%; doanh thu dịch vụ đạt 915,6 tỷ đồng, chiếm 5,1% tổng mức và tăng 4,93% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của tỉnh Quảng Trị trong tháng 7 năm 2023 tăng 0,55% so tháng trước; tăng 1,69% so với cùng kỳ năm trước; tăng 1,49% so với tháng 12 năm trước; tính chung 7 tháng đầu năm 2023 CPI tăng 3,62% so với cùng kỳ năm trước

II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương

- Tổ chức Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ kế hoạch 6 tháng cuối năm 2023 của ngành Công Thương; Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển ngành Công Thương năm 2023 và lập kế hoạch năm 2024; Báo cáo tự đánh giá chấm điểm mức độ hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo xác định chỉ số cải cách hành chính trong 6 tháng năm 2023 của Sở.

- Hoàn chỉnh dự thảo Kế hoạch tổ chức bình chọn Sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh lần VII, năm 2024; Tổ chức họp Hội đồng thẩm định các đề án khuyến công quốc gia và thực hiện các Đề án khuyến công của tỉnh năm 2023. Báo cáo tình hình hoạt động các dự án chế biến gỗ, kết quả thực hiện đề án chế biến gỗ và sản phẩm gỗ; Báo cáo rà soát các chính sách quy định tại dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh xem xét Dự thảo Quyết định bãi bỏ Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về xử lý công trình xây dựng vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp; Dự thảo Quyết định ban hành Quy định quản lý kinh phí và chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương tỉnh; Dự thảo Chỉ thị tăng cường thực hiện tiết kiệm điện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2023 - 2025 và các năm tiếp theo.

- Tham mưu đề xuất UBND tỉnh chuyển đổi dự án Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trị sang Nhà máy điện khí; cung cấp thông tin để xem xét, xây dựng Kế hoạch thực hiện Quy hoạch Điện VIII; Hoàn chỉnh nội dung, làm việc với Tổ hợp đầu tư dự án Trung tâm điện khí LNG Hải Lăng; Chỉ đạo tăng cường hoạt động kiểm tra công tác an toàn lưới điện; an toàn các hồ đập thủy điện, hành lang an toàn lưới điện cao áp trên địa bàn tỉnh.

- Chuẩn bị nội dung, tiếp đón Đoàn đại biểu lãnh đạo thành phố Hà Nội và Đoàn Sở Công Thương TP Hà Nội; Tham gia Hội nghị giao ban xúc tiến thương mại và hệ thống Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài 6 tháng năm 2023; Chuẩn bị nội dung, làm việc với UBND huyện Triệu Phong về mô hình quản lý Chợ Ái Tử, huyện Triệu Phong.

- Hoàn chỉnh kế hoạch, văn kiện trong Diễn tập Khu vực phòng thủ năm 2023; Khảo sát, lựa chọn các sản phẩm thuộc vùng đồng bào đồng bào dân tộc và miền núi để hỗ trợ kết nối năm 2023 tại huyện Hương Hóa; đề xuất chủ trương đầu tư dự án Khu dịch vụ thương mại kết hợp trạm cấp nhiên liệu tại La Lay.

- Thực hiện tiếp công dân định kỳ của Giám đốc Sở Công Thương 6 tháng cuối năm 2023; Phối hợp cung cấp thông tin thanh tra, kiểm tra lĩnh vực đo lường chất lượng. Thực hiện báo cáo công tác tiếp công dân theo yêu cầu Thanh tra tỉnh; Lập dự toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2023; Chuẩn bị nội dung và tham dự Hội nghị phổ biến Luật thực hiện dân chủ cơ sở, Luật thanh tra.

- Chuẩn bị nội dung và làm việc với Ban Tổ chức Tỉnh ủy về công tác cán bộ của Sở; Báo cáo đánh giá sơ kết phong trào thi đua 6 tháng đầu năm 2023; Báo cáo sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước năm 2022 và 6 tháng năm 2023; Tổ chức rà soát, báo cáo việc xử lý các kiến nghị, đề xuất của tỉnh; Tham gia tập huấn nâng cao ứng dụng hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc năm 2023.

- Tổ chức kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023; Tham mưu đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng công tác cải cách thủ tục hành chính; thí điểm triển khai tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả TTHC hoàn toàn trên môi trường mạng của Sở Công Thương; Tổ chức rà soát đánh giá quy định, biểu mẫu (TTHC nội bộ) theo phương án đơn giản hóa theo chỉ đạo UBND tỉnh. Triển khai các giải pháp cải thiện, nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (*PAPI*) của chuyên gia UNDP Việt Nam. Đề xuất mức phí, lệ phí theo Thông tư 44/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở; sử dụng thông tin, giấy tờ tích hợp trên ứng dụng VneID.

III. Một số nhiệm vụ công tác trọng tâm tháng 8 năm 2023

- Báo cáo các nội dung cam kết giữa Tập thể lãnh đạo và Giám đốc Sở với Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong 6 tháng năm 2023; Tổ chức Hội nghị sơ kết các Ban chỉ đạo do Sở làm cơ quan thường trực. Đôn đốc thực hiện các nội dung liên quan tại Chương trình công tác trọng tâm của Tỉnh ủy, UBND tỉnh;

Các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trên Hệ thống phân mềm theo dõi nhiệm vụ của tỉnh.

- Tiếp tục nắm tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, các dự án đầu tư; Tham mưu các giải pháp hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, đơn vị trong ngành theo sự chỉ đạo của UBND tỉnh; Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (*đối với chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp*) trong năm 2023.

- Chỉ đạo triển khai các đề án khuyến công tỉnh và quốc gia trên địa bàn tỉnh năm 2023. Triển khai công tác hỗ trợ thủ tục cấp giấy xác nhận ưu đãi và hỗ trợ theo Chương trình khuyến công đối với công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn.

- Chuẩn bị nội dung, tổ chức đoàn kiểm tra định kỳ về kỹ thuật an toàn công nghiệp (an toàn hóa chất, an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến); Tổ chức Đoàn liên ngành kiểm tra định kỳ về công tác quản lý, sử dụng, bảo quản và vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh đề xuất Tỉnh ủy điều chỉnh, bổ sung Chương trình hành động số 15-CTHĐ/TU ngày 27/4/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 55- NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

- Tiếp tục hỗ trợ nhà đầu tư các dự án trọng điểm trên địa bàn để sớm triển khai thực hiện; Tập trung hỗ trợ các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư các dự án điện gió, thủy điện đã được cấp chủ trương đầu tư. Tiếp tục Hỗ trợ ngành điện triển khai đầu tư dự án Trạm biến áp 500kV, đường dây đầu nối tại Quảng Trị hoàn thành đồng bộ giải tỏa công suất các dự án nguồn điện trên địa bàn và thực hiện Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh năm 2023

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Chiến lược Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2021-2025

- Hỗ trợ đưa sản phẩm nông sản đặc trưng của tỉnh (*từ 7-10 sản phẩm*) vào hệ thống siêu thị, chuỗi cửa hàng bán lẻ hiện đại, điểm trưng bày giới thiệu sản phẩm trên địa bàn tỉnh; Xây dựng dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 8/8/2019 ban hành Quy chế Quản lý và thực hiện Chương trình XTTM tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng Dự thảo Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Tham mưu UBND tỉnh xây dựng Dự thảo Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

- Đôn đốc chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính cơ quan Sở và đơn vị trực thuộc theo chỉ đạo UBND tỉnh tại Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 19/01/2023. Báo cáo kiểm tra công tác cải cách hành chính; Đề xuất phương

án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống quản lý nhà nước lĩnh vực Công Thương thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở; tăng cường triển khai dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích, chứng thực bản sao điện tử.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp, thương mại và công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 7 năm 2023; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CTĐP, Vụ KH-BCT;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- VP Tỉnh uỷ; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- Sở KH & ĐT;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các Phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thanh Hiếu

SỞ CÔNG THƯƠNG

Biểu 01/SCT

CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2023

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 6/2023		Dự ước tháng 7/2023			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7/2023 so với tháng 7/2022
	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng cùng kỳ năm trước	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng trước	So với tháng cùng kỳ năm trước	
A	1	2	3	4	5	6
Toàn ngành	228,76	109,73	235,89	103,12	110,10	109,97
1. Công nghiệp khai khoáng	142,39	113,83	143,87	101,04	109,02	100,57
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	197,42	105,64	197,50	100,04	106,06	104,88
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	451,94	118,96	497,17	110,01	119,09	123,82
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	135,29	100,24	135,78	100,36	104,80	106,36

Đơn vị b/c: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị

Đơn vị nhận b/c: - UBND tỉnh Quảng Trị;

- Vụ Kế hoạch (BCT)

Biểu số 02/SCT-BCT

Ngày nhận b/c: Ngày 22 hàng tháng

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI
Tháng 7 năm 2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
I	Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu	Sản phẩm								
1	Quặng inmenit và tinh quặng inmenit	Tấn	2314	2470	13063	1803	12252	106.72%	136.96%	106.62%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	854.02	722	4916	760	5234	84.51%	94.94%	93.93%
3	Đá xây dựng	M3	69335.97	71198	418328	64589	398425	102.69%	110.23%	105.00%
4	Tinh bột sắn	Tấn	0	315	37447	317	35269	#DIV/0!	99.21%	106.17%
5	Bia lon	1000 lít	3493	3602	17303	1428	6986	103.12%	252.16%	247.67%
6	Nước hoa quả, tăng lực	1000 lít	1063	1150	6724	1051	6748	108.18%	109.42%	99.64%
7	Bộ com-lê, quần áo	1000 cái	2346.69	2377	18293	2377	16989	101.27%	100.00%	107.68%
8	Gỗ cưa, gỗ xẻ	M3	4754	5046	35262	7716	48090	106.15%	65.40%	73.33%
9	Dăm gỗ	Tấn	44658	53648	274930	61200	298965	120.13%	87.66%	91.96%
10	Ván ép	M3	13805	16500	112671	23677	163193	119.52%	69.69%	69.04%

11	Colophan và axit nhựa cây	Tấn	863	850	4569	614	3868	98.49%	138.48%	118.13%
12	Phân hoá học (NPK)	Tấn	2838	2700	24177	3698	26853	95.14%	73.01%	90.04%
13	Lốp xe các loại	1000 cái	300	305	1905	297	1976	101.67%	102.69%	96.42%
14	Săm xe các loại	1000 cái	439	442	3202	473	4077	100.71%	93.45%	78.52%
15	Gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gốm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm	1000 viên	12359	13340	83965	13723	83464	107.93%	97.21%	100.60%
16	Gạch và gạch khối xây dựng bằng xi măng, bê tông	1000 viên	10078	9917	54481	4536	27489	98.41%	218.65%	198.19%
17	Xi măng	Tấn	17967	23000	135629	29397	159853	128.01%	78.24%	84.85%
18	Tấm lợp pro xi măng	1000 m ²	225	200	1446	100	1576	88.89%	200.00%	91.72%
19	Điện sản xuất	Triệu KWh	239	268	1799	217	1405	112.15%	123.37%	128.04%
20	Điện thương phẩm	Triệu KWh	76	78	465	74	425	102.09%	104.77%	109.32%
21	Nước máy	1000 m ³	1461	1461	9168	1398	8521	100.02%	104.51%	107.59%
II	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu hoạt động dịch vụ	Tỷ đồng	2585.30	2631.50	18031.0	2341.79	15484.45	101.79%	112.37%	116.45%
1	Doanh thu bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	2053.10	2067.30	14406.90	1849.11	12513.59	100.69%	111.80%	115.13%
2	Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ		532.20	564.20	3624.10	492.69	2970.85	106.01%	114.51%	121.99%
2.1	Doanh thu hoạt động dịch vụ (Lưu trú, ăn uống, lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch)	Tỷ đồng	405.30	434.30	2708.50	357.77	2098.27	107.16%	121.39%	129.08%
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		404.90	433.70	2705.60	357.51	2096.23	107.11%	121.31%	129.07%
	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	0.40	0.60	2.90	0.26	2.04	150.00%	235.04%	141.93%
2.2	Doanh thu hoạt động dịch vụ khác	"	126.90	129.90	915.60	134.92	872.58	102.36%	96.28%	104.93%